

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Tim mạch thành phố Cần Thơ có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu “Mua sắm đồ vải sử dụng tại Bệnh viện Tim mạch thành phố Cần Thơ năm 2025 - 2026” với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Tim mạch thành phố Cần Thơ, địa chỉ: số 204 Trần Hưng Đạo – Phường Ninh Kiều – Thành phố Cần Thơ.

2. Thông tin liên hệ của người hoặc phòng chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Phòng Hành chính quản trị - Tổ chức cán bộ

- Điện thoại: 02923 832149

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: số 204 Trần Hưng Đạo, Phường Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: từ 08 giờ 00 phút ngày 10 tháng 09 năm 2025 đến trước 17 giờ 00 phút ngày 16 tháng 09 năm 2025

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: tối thiểu **90 ngày**, kể từ ngày 16 tháng 09 năm 2025 (kết thúc nhận báo giá)

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hàng hóa bao gồm:

Stt	Hàng hóa	Thông số kỹ thuật	DVT	Số lượng	Đơn giá chào (đồng)
1	Drap giường	- Chất liệu: Vải xi hoặc tương đương, màu trắng - Kích thước: (1,6 x 2,2)m - <u>Thành phần</u>: + Khối lượng vải (g/m²) theo tiêu chuẩn ISO 3801:1977: 188.9 ±0.2 + Mật độ vải (sợi/10cm) theo tiêu chuẩn ISO 7211-2:1984, (Dọc x Ngang): (393 x 182) ±2 + Độ nhỏ sợi tách ra từ vải (Ne) theo tiêu chuẩn ISO 7211-5:2020, (Dọc x Ngang): (19.5 x 19.4) ±0.2 + Độ sẵn sợi tách ra từ vải (x/m) theo tiêu chuẩn ISO 7211-4:1984, (Dọc x Ngang): (609/Z x 656/Z) ±2 + Độ bền xé rách (n) theo tiêu chuẩn ISO 13937-1:2000, (Dọc x Ngang): (70.2 x 42.3) ±0.2 + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) theo tiêu chuẩn ISO 5077:2007/ ISO 6330 2021, (Dọc x Ngang): (-1.5 x 0.0) ±0.2 + Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp) theo tiêu chuẩn ISO 105-C06 A1S:2010: 4 - 5 + Hàm lượng Formaldehyde (ppm) theo tiêu chuẩn ISO 14184-1:2011, không phát hiện: < 16ppm + Định tính và định lượng nguyên liệu (%) theo tiêu chuẩn ISO 1833:2019: ++ Polyester 86.7 ±0.5 ++ Cotton 13.3 ±0.5	Tám	100	
2	Drap giường	- Chất liệu: Vải xi hoặc tương đương, màu xanh lá đậm (không may nối vải) - Kích thước: (1,6 x 2,4)m - <u>Thành phần</u>: + Khối lượng vải (g/m²) theo tiêu chuẩn ISO 3801:1977: 198.2 ±0.2 + Mật độ vải (sợi/10cm) theo tiêu chuẩn ISO 7211-2:1984, (Dọc x Ngang): (397 x 190) ±2 + Độ nhỏ sợi tách ra từ vải (Ne) theo tiêu chuẩn ISO 7211-5:2020, (Dọc x Ngang): (19.4 x 19.0) ±0.2 + Độ sẵn sợi tách ra từ vải (x/m) theo tiêu chuẩn ISO 7211-4:1984, (Dọc x Ngang): (599/Z x 601/Z) ±2 + Độ bền xé rách (n) theo tiêu chuẩn ISO 13937-1:2000, (Dọc x Ngang): (70.6 x 39.5) ±0.2	Tám	50	

		+ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) theo tiêu chuẩn ISO 5077:2007/ ISO 6330 2021, (Dọc x Ngang): (-1.1 x 0.0) ±0.2 + Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp) theo tiêu chuẩn ISO 105-C06 A1S:2010: 4 - 5 + Hàm lượng Formaldehyde (ppm) theo tiêu chuẩn ISO 14184-1:2011, không phát hiện: < 16ppm + Định tính và định lượng nguyên liệu (%) theo tiêu chuẩn ISO 1833:2019: ++ Polyester 87.3 ±0.5 ++ Cotton 12.7 ±0.5		
3	Drap trải DSA	- Chất liệu: Vải xi hoặc tương đương, màu xanh lá đậm (không may nổi vải). - Kích thước: (1,6 x 3,5)m. - Thành phần: + Khối lượng vải (g/m²) theo tiêu chuẩn ISO 3801:1977: 198.2 ±0.2 + Mật độ vải (sợi/10cm) theo tiêu chuẩn ISO 7211-2:1984, (Dọc x Ngang): (397 x 190) ±2 + Độ nhỏ sợi tách ra từ vải (Ne) theo tiêu chuẩn ISO 7211-5:2020, (Dọc x Ngang): (19.4 x 19.0) ±0.2 + Độ sẵn sợi tách ra từ vải (x/m) theo tiêu chuẩn ISO 7211-4:1984: (Dọc x Ngang): (599/Z x 601/Z) ±2 + Độ bền xé rách (n) theo tiêu chuẩn ISO 13937-1:2000: (Dọc x Ngang): (70.6 x 39.5) ±0.2 + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) theo tiêu chuẩn ISO 5077:2007/ ISO 6330 2021, (Dọc x Ngang): (-1.1 x 0.0) ±0.2 + Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp) theo tiêu chuẩn ISO 105-C06 A1S:2010: 4 - 5 + Hàm lượng Formaldehyde (ppm) theo tiêu chuẩn ISO 14184-1:2011, không phát hiện: < 16ppm + Định tính và định lượng nguyên liệu (%) theo tiêu chuẩn ISO 1833:2019: ++ Polyester 87.3 ±0.5 ++ Cotton 12.7 ±0.5	Tám	20
4	Khăn lỗ	- Chất liệu: Vải xi hoặc tương đương, màu xanh lá đậm, kích thước lỗ # 15cm. - Kích thước: (80 x 80)cm. - Thành phần: + Khối lượng vải (g/m²) theo tiêu chuẩn ISO 3801:1977: 198.2 ±0.2 + Mật độ vải (sợi/10cm) theo tiêu chuẩn ISO 7211-2:1984, (Dọc x Ngang): (397 x 190) ±2	Tám	20

		+ Độ nhỏ sợi tách ra từ vải (Ne) theo tiêu chuẩn ISO 7211-5:2020, (Dọc x Ngang): (19.4 x 19.0) ± 0.2 + Độ sẵn sợi tách ra từ vải (x/m) theo tiêu chuẩn ISO 7211-4:1984, (Dọc x Ngang): (599/Z x 601/Z) ± 2 + Độ bền xé rách (n) theo tiêu chuẩn ISO 13937-1:2000, (Dọc x Ngang): (70.6 x 39.5) ± 0.2 + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) theo tiêu chuẩn ISO 5077:2007/ ISO 6330 2021: (Dọc x Ngang): (-1.1 x 0.0) ± 0.2 + Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp) theo tiêu chuẩn ISO 105-C06 A1S:2010: 4 - 5 + Hàm lượng Formaldehyde (ppm) theo tiêu chuẩn ISO 14184-1:2011, không phát hiện: < 16ppm + Định tính và định lượng nguyên liệu (%) theo tiêu chuẩn ISO 1833:2019: ++ Polyester 87.3 ± 0.5 ++ Cotton 12.7 ± 0.5		
5	Khăn trải mâm	- Chất liệu: Vải xi hoặc tương đương, màu xanh lá đậm - Kích thước: (60 x 80)cm. - Thành phần: + Khối lượng vải (g/m²) theo tiêu chuẩn ISO 3801:1977: 198.2 ± 0.2 + Mật độ vải (sợi/10cm) theo tiêu chuẩn ISO 7211-2:1984, (Dọc x Ngang): (397 x 190) ± 2 + Độ nhỏ sợi tách ra từ vải (Ne) theo tiêu chuẩn ISO 7211-5:2020) (Dọc x Ngang): (19.4 x 19.0) ± 0.2 + Độ sẵn sợi tách ra từ vải (x/m) theo tiêu chuẩn ISO 7211-4:1984, (Dọc x Ngang): (599/Z x 601/Z) ± 2 + Độ bền xé rách (n) theo tiêu chuẩn ISO 13937-1:2000, (Dọc x Ngang): (70.6 x 39.5) ± 0.2 + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) theo tiêu chuẩn ISO 5077:2007/ ISO 6330 2021, (Dọc x Ngang): (-1.1 x 0.0) ± 0.2 + Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp) theo tiêu chuẩn ISO 105-C06 A1S:2010: 4 - 5 + Hàm lượng Formaldehyde (ppm) theo tiêu chuẩn ISO 14184-1:2011, không phát hiện: < 16ppm + Định tính và định lượng nguyên liệu (%) theo tiêu chuẩn ISO 1833:2019: ++ Polyester 87.3 ± 0.5 ++ Cotton 12.7 ± 0.5	Tầm	10

6	Áo choàng phẫu thuật DSA	- Chất liệu: Vải xi hoặc tương đương, màu xanh lá đậm. - Kích thước: (115 x 137)cm. - Thành phần: + Khối lượng vải (g/m²) theo tiêu chuẩn ISO 3801:1977: 198.2 ±0.2 + Mật độ vải (sợi/10cm) theo tiêu chuẩn ISO 7211-2:1984, (Dọc x Ngang): (397 x 190) ±2 + Độ nhỏ sợi tách ra từ vải (Ne) theo tiêu chuẩn ISO 7211-5:2020) (Dọc x Ngang): (19.4 x 19.0) ±0.2 + Độ săn sợi tách ra từ vải (x/m) theo tiêu chuẩn ISO 7211-4:1984, (Dọc x Ngang): (599/Z x 601/Z) ±2 + Độ bền xé rách (n) theo tiêu chuẩn ISO 13937-1:2000, (Dọc x Ngang): (70.6 x 39.5) ±0.2 + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) theo tiêu chuẩn ISO 5077:2007/ ISO 6330 2021, (Dọc x Ngang): (-1.1 x 0.0) ±0.2 + Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp) theo tiêu chuẩn ISO 105-C06 AIS:2010: 4 - 5 + Hàm lượng Formaldehyde (ppm) theo tiêu chuẩn ISO 14184-1:2011, không phát hiện: < 16ppm + Định tính và định lượng nguyên liệu (%) theo tiêu chuẩn ISO 1833:2019: ++ Polyester 87.3 ±0.5 ++ Cotton 12.7 ±0.5	Cái	10	
7	Áo gói	- Chất liệu: Vải xi hoặc tương đương, màu trắng. - Kích thước: (40 x 60)cm. - Thành phần: + Khối lượng vải (g/m²) theo tiêu chuẩn ISO 3801:1977: 188.9 ±0.2 + Mật độ vải (sợi/10cm) theo tiêu chuẩn ISO 7211-2:1984, (Dọc x Ngang): (393 x 182) ±2 + Độ nhỏ sợi tách ra từ vải (Ne) theo tiêu chuẩn ISO 7211-5:2020, (Dọc x Ngang): (19.5 x 19.4) ±0.2 + Độ săn sợi tách ra từ vải (x/m) theo tiêu chuẩn ISO 7211-4:1984, (Dọc x Ngang): (609/Z x 656/Z) ±2 + Độ bền xé rách (n) theo tiêu chuẩn ISO 13937-1:2000, (Dọc x Ngang): (70.2 x 42.3) ±0.2 + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) theo tiêu chuẩn ISO 5077:2007/ ISO 6330 2021, (Dọc x Ngang): (-1.5 x 0.0) ±0.2 + Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp) theo tiêu chuẩn ISO 105-C06 AIS:2010: 4 - 5	Cái	15	

		+ Hàm lượng Formaldehyde (ppm) theo tiêu chuẩn ISO 14184-1:2011, không phát hiện: < 16ppm + Định tính và định lượng nguyên liệu (%) theo tiêu chuẩn ISO 1833:2019: ++ Polyester 86.7 ±0.5 ++ Cotton 13.3 ±0.5			
8	Quần, áo bệnh nhân	- Chất liệu: Vải kate silk hoặc tương đương, màu xanh dương, dây rút - Size 4XL. - Thành phần: + Khối lượng vải (g/m²) theo tiêu chuẩn ISO 3801:1977: 126.4 ±0.2 + Mật độ vải (sợi/10cm) theo tiêu chuẩn ISO 7211-2:1984, (Dọc x Ngang): (450 x 367) ±2 + Độ nhỏ sợi tách ra từ vải (Ne) theo tiêu chuẩn ISO 7211-5:2020, (Dọc x Ngang): (39.7 x 44.2) ±0.2 + Độ săn sợi tách ra từ vải (x/m) theo tiêu chuẩn ISO 7211-4:1984, (Dọc x Ngang): (920/Z x 942/Z) ±2 + Độ bền xé rách (n) theo tiêu chuẩn ISO 13937-1:2000, (Dọc x Ngang): (24.0 x 18.3) ±0.2 + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) theo tiêu chuẩn ISO 5077:2007/ ISO 6330 2021, (Dọc x Ngang): (-0.2 x 0.0) ±0.2 + Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp) theo tiêu chuẩn ISO 105-C06 AIS:2010: 4 - 5 + Hàm lượng Formaldehyde (ppm) theo tiêu chuẩn ISO 14184-1:2011, không phát hiện: < 16ppm + Định tính và định lượng nguyên liệu (%) theo tiêu chuẩn ISO 1833:2019: Polyester 100%	Bộ	30	
9	Áo oxy	- Chất liệu: Vải kate ford hoặc tương đương, màu trắng, sử dụng dây rút vải để buộc miệng. - Kích thước: (75 x 130)cm. - Thành phần: + Khối lượng vải (g/m²) theo tiêu chuẩn ISO 3801:1977: 157.2 ±0.2 + Mật độ vải (sợi/10cm) theo tiêu chuẩn ISO 7211-2:1984, (Dọc x Ngang): (284 x 257) ±2 + Độ nhỏ sợi tách ra từ vải (Ne) theo tiêu chuẩn ISO 7211-5:2020, (Dọc x Ngang): (43.6/2 x 44.5/2) ±0.2 + Độ săn sợi tách ra từ vải (x/m) theo tiêu chuẩn ISO 7211-4:1984, (Dọc x Ngang): (760/S x 743/S) ±2 + Độ bền xé rách (N) theo tiêu chuẩn ISO 13937-1:2000, (Dọc x Ngang): (39.9 x 39.3) ±0.2	Cái	15	

		+ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) theo tiêu chuẩn ISO 5077:2007/ ISO 6330 2021: (Dọc x Ngang): $(-1.3 \times -0.7) \pm 0.2$ + Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp) theo tiêu chuẩn ISO 105-C06 A1S:2010: 4 - 5 + Hàm lượng formaldehyde (ppm) theo tiêu chuẩn ISO 14184-1:2011, không phát hiện: < 16ppm + Định tính và định lượng nguyên liệu (%) theo tiêu chuẩn ISO 1833:2019: ++ Polyester 65.6 ± 0.5 ++ Cotton 34.4 ± 0.5			
--	--	--	--	--	--

2. Địa điểm cung cấp: số 204 Trần Hưng Đạo, Phường Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ
3. Thời gian giao hàng dự kiến: 30 ngày
4. Các thông tin khác (nếu có)

Cần Thơ, ngày 09 tháng 09 năm 2025

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Lê Tân Tổ Anh